TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 377/2023/DS-PT
Ngày: 16-08-2023
"*V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn;

Ông Lê Khắc Thịnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Vũ Thị Thu Hằng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2022/ DS-ST ngày 28 tháng 04 năm 2022 của Tòa án nhân dân Huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 332/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 07 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 421/2023/ QĐ- PT ngày 27/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1963;

2/ Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1953;

3/ Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1973;

4/ Ông Huỳnh Văn Ẩ sinh năm 1977;

5/ Anh Huỳnh Bảo Â, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6/ Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, ông M, ông Ẩ, anh Â và bà N: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1963;

Bị đơn: Ông Đặng Văn H1, sinh năm 1941 (chết vào ngày 25/7/2022)
Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H1:

1/ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1942 (Vợ ông H1);
2/ Anh Đặng Phước D, sinh năm 1983 (con ông H1);
3/ Anh Đặng Long H2, sinh năm 1976 (con ông H1);
4/ Chị Đặng Thị Thanh Đ, sinh năm 1978 (con ông H1);
5/ Bà Đặng Thị Kiều D1, sinh năm 1968 (con ông H1);
Địa chỉ: Thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6/ Bà Đặng Thị Kim H3, sinh năm 1973 (con ông H1);
Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1942 (Vợ ông H1);
2/ Anh Đặng Phước D, sinh năm 1983 (con ông H1);
3/ Chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1993 (dâu ông H1);
4/ Anh Đặng Long H2, sinh năm 1976 (con ông H1);
5/ Chị Đặng Thị Thanh Đ, sinh năm 1978 (con ông H1);
6/ Anh Đặng Tuấn T, sinh năm 1980 (con ông H1- chết 2019);
7/ Chị Phạm Thị Thanh N2, sinh năm 1976 (dâu ông H1);
8/ Chị Đặng Thị Anh Đ1, sinh năm 2001 (cháu ông H1);
Cùng địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

9/ Bà Đặng Thị Kiều D1, sinh năm 1968 (con ông H1);
Địa chỉ: Thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10/ Bà Đặng Thị Kim H3, sinh năm 1973 (con ông H1);
Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

11/ Bà Hồ Thị Kim C1, sinh năm 1967;
12/ Anh Huỳnh Vủ L, sinh năm 1990;
13/ Anh Huỳnh Vủ B, sinh năm 1996;
14/ Anh Huỳnh Vũ H4, sinh năm 2003;
Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

15/ Ủy ban nhân dân huyện T;

Địa chỉ trụ sở: Khóm C, T, huyện T, Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Q – Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện.

- *Người kháng cáo*: Ông Đặng Văn H1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn C và các đồng nguyên đơn là ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn Ẩ, anh Huỳnh Bảo Â và bà Huỳnh Thị N cùng ủy quyền cho ông C thống nhất trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông ngoại ông C tên Đặng Văn G cho cha ông là Huỳnh Văn B1 và mẹ là Đặng Thị K chiều ngang 15m, dài 60m (từ kinh tư mới về hướng Đông) tổng diện tích là 900m^2 đất thổ cư. Trên đất gồm có nhà của cha mẹ ông C, ông C và em trai ông tên T1, đã cất nhà ở và trồng cây từ sau năm 1975 đến nay.

Đến năm 1977, ông G cho cháu nội là Đặng Văn H1 một phần đất chiều ngang 15m, dài 30m, tổng diện tích 450m^2 đất thổ giáp ranh đất ông C. Khi đó, ông H1 cũng cất nhà ở và sử dụng đến nay.

Đến năm 1984, Nhà nước thi công đường lộ 845, chia phần đất ông B1 và bà K ra thành hai phần. Ông B1 và ông C thì dời xuống cất nhà cặp Kinh Tư M1 để tiện sinh hoạt (phía Tây lộ 845); phía Đông lộ 845 ông B1 cho T1 và M cất nhà cho đến nay.

Vào năm 1995, ông H1 đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thì đã đăng ký luôn diện tích đất của ông B1 và được đứng tên tại thửa 516, tờ bản đồ số 02 với diện tích 1.000m^2 (trong đó có 450m^2 đất thổ của ông B1 nhưng ông B1 không biết). Năm 2012, ông B1 có làm đơn khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1 trên diện tích đất của ông B1. Vụ việc chưa được giải quyết thì năm 2013 ông H1 đốn hết cây do ông B1 trồng và san lấp ao do ông B1 đào. Gia đình có khiếu nại tại ấp và cũng chưa được giải quyết.

Vào ngày 24/9/2013, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 977/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn H1 tại thửa 516, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.000m^2 loại đất nông nghiệp nên gia đình ông C mới xin đi đăng ký quyền sử dụng đất. Ngày 12/5/2015 ông H1 làm đơn khiếu nại tranh chấp 450,1m^2 đất thổ của gia đình ông B1 đang sử dụng. Sau đó ông B1 được công nhận sử dụng 270m^2 đất thổ thì ông H1 không đồng ý và tiếp tục khiếu nại. Năm 2017 ông B1 chết, thì ông Ẩ quản lý sử dụng căn nhà của ông K để lại.

Theo đơn khởi kiện và tại phiên hòa giải ngày 08/3/2019 thì các đồng nguyên đơn yêu cầu hộ ông Đặng Văn H1 trả cho các đồng nguyên đơn tổng diện tích 450m^2 (ngang 15m, dài 30m) đất thổ tại thửa 516, tờ bản đồ 02, tọa lạc ấp C, xã M, huyện T, Đồng Tháp.

Tại phiên tòa, ông C là nguyên đơn và cũng là người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu ông Đặng Văn H1, bà Nguyễn Thị N1, anh Đặng Phước D và chị Trần Thị Kim P (gọi tắt là hộ ông H1) di dời cây trồng, kiến trúc trên phần diện tích đất đo đạc thực tế 258,5m^2 mà hộ

ông H1 hiện đang bao chiếm sử dụng để trả lại cho các nguyên đơn trong phạm vi các mốc R1, R2, M3, M2, M1 trở về R1 thể hiện tại Phụ lục kèm theo trích đo số 163-2016 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T, thuộc thửa 516, tờ bản đồ 02, tọa lạc ấp C, xã M, huyện T, Đồng Tháp; Đồng ý để hộ ông H1 được sử dụng phần diện tích đất còn lại thuộc thửa 516 (Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười).

Ông C xác định vào năm 2001 mặc dù bên gia đình ông ngăn cản nhưng hộ ông H1 vẫn cố tình bơm cát lấp phần ao. Đối với chi phí san lấp tại phiên hòa giải ngày 08/3/2019 anh D cho rằng khoảng 50.000.000 đồng thì các nguyên đơn không thống nhất. Nay các nguyên đơn chỉ đồng ý trả cho ông H1 chi phí bơm cát là 10.000.000 đồng.

Về chi phí định giá bên phía nguyên đơn tự nguyện chịu (ông C đã tạm ứng và đã chi xong).

Đối với biên bản định giá của Hội đồng định giá ngày 23/5/2017 ông L1 không đồng ý với việc định giá. Tuy nhiên, ông L1 không yêu cầu định giá lại.

Bị đơn ông Đặng Văn H1 vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án.

***Tại phiên hòa giải ngày 08/3/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Phước D (Con ông H1) trình bày*:**

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông cố anh D là ông Đặng Văn G cho cha anh D là ông H1. Đến năm 1995, ông H1 làm bằng khoán và được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay. Năm 1999, gia đình có bơm sình lấp đìa, năm 2001 thì bơm 3 ghe cát (tổng san lấp bơm sình, cát gần 50.000.000 đồng) và trồng các cây trồng cho đến nay. Do đó, nay anh D không đồng ý theo yêu cầu của ông C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N1, chị Trần Thị Kim P, anh Đặng Long H2, chị Đặng Thị Thanh Đ, anh Đặng Tuấn T, chị Phạm Thị Thanh N2, chị Đặng Thị Anh Đ1, bà Đặng Thị Kiều D1 và bà Đặng Thị Kim H3 vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

- Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Buộc hộ ông Đặng Văn H1 (gồm ông Đặng Văn H1, bà Nguyễn Thị N1, anh Đặng Phước D và chị Trần Thị Kim P) có trách nhiệm tháo dỡ, di dời các vật kiến trúc, cây trồng mà gia đình ông đã xây dựng, trồng trọt trên phần diện tích đất đo đạc thực tế 258,5m^2 trong phạm vi các mốc R1, R2, M3, M2, M1 trở về R1 thể hiện tại Phụ lục kèm theo trích đo số 163-2016 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T, thuộc thửa 516, tờ bản đồ 02, tọa lạc ấp C, xã M, huyện T, Đồng Tháp, để giao trả cho ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn Ẩ, anh Huỳnh Bảo Â và bà Huỳnh Thị N.

(Kèm theo Phụ lục kèm theo trích đo số 163-2016 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/12/2018).

Ông Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn M, Huỳnh Văn Ẩ, Huỳnh Bảo Â và bà Huỳnh Thị N được quyền đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo

quy định của pháp luật đối với phần diện tích đo đạc thực tế 258,5m^2 trong phạm vi các mốc R1, R2, M3, M2, M1 trở về R1 thể hiện tại Phụ lục kèm theo trích đo số 163-2016 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T, thuộc thửa 516, tờ bản đồ 02, tọa lạc ấp C, xã M, huyện T, Đồng Tháp.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn Ẩ, anh Huỳnh Bảo Â và bà Huỳnh Thị N. Ông C, ông H, ông M, ông Ẩ, anh Â và bà N có trách nhiệm giao trả cho ông Đặng Văn H1 chi phí san lấp ao số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm ông H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đến ngày 25/7/2022 thì ông H1 chết. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H1 tiếp tục kháng cáo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm;

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H1 không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H1. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm về cách tuyên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn C đối với bị đơn ông Đặng Văn H1 về việc tranh chấp đối với phần đất mà trước đây bên ông C quản lý, sử dụng nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp quyền sử dụng đất phù hợp với quy định tại Điều 26 BLTTDS năm 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bên bị đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án T2 thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thực hiện việc kháng cáo xong thì đến ngày 25/7/2022 ông H1 chết; Nên Tòa án cấp phúc thẩm đưa những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H1 vào tham gia trong vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bên bị đơn; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Về nguồn gốc đất được xác định là của cụ G (ngoại của các nguyên đơn khai mở ngang 30m dài từ Kênh Tư M2 đến Kênh E) và cho gia đình ông B1 là cha của các nguyên đơn sử dụng ngang 15m dài 60m từ Kênh T về hướng Đ, gia đình ông B1 cất nhà ở trên phần đất được cho và sử dụng từ trước năm 1975. Phần còn lại cụ G cho cháu nội là ông H1 cất nhà sử dụng đất cho đến nay.

Tuy nhiên, trong quá trình quản lý, sử dụng, vào năm 1995, ông H1 đi kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ thửa 516 tờ bản đồ số 2 diện tích 1.000m^2 đất tọa lạc tại xã M trong đó, bao trùm lên phần đất mà gia đình ông B1 đang quản lý, sử dụng nên phát sinh tranh chấp.

Căn cứ vào Biên bản đối thoại ngày 25/9/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T, bên ông H1 và bên ông B1 thống nhất thỏa thuận ông B1 được sử dụng diện tích 270m^2 thuộc thửa 516, diện tích còn lại cùng thửa cho ông H1 được sử dụng. Như vậy, căn cứ vào sự thỏa thuận này nay việc các nguyên đơn yêu cầu là có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì hiện nay diện tích tranh chấp chỉ còn diện tích là 258,5m^2; Bên ông C cùng các nguyên đơn khác chỉ yêu cầu bên ông H1 giao trả diện tích 258,5m^2, diện tích còn lại đồng ý để cho hộ ông H1 được quyền quản lý, sử dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn.

Từ những nhận định và phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bên ông C là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bên ông H1. Do ông H1 đã chết, Tòa án cấp phúc thẩm đưa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H1 vào tham gia; Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại bản án sơ thẩm về cách tuyên cho phù hợp và đảm bảo cho việc thi hành bản án.

Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H1 bao gồm bà Nguyễn Thị N1, anh Đặng Phước D, anh Đặng Long H2; chị Đặng Thị Thanh Đ, Đặng Thị Kim H3 và Đặng Thị Kiều D1.

2. Sửa một phần quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân Huyện T;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn gồm: Ông Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn M, Huỳnh Văn Ẩ, Huỳnh Bảo Â và bà Huỳnh Thị N.

Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H1 và hộ ông H1 gồm: bà Nguyễn Thị N1, anh Đặng Phước D, anh Đặng Long H2; chị Đặng Thị Thanh Đ, Đặng Thị Kim H3, Đặng Thị Kiều D1 và chị Trần Thị Kim P có trách nhiệm tháo dỡ, di dời các vật kiến trúc, cây trồng mà gia đình ông H1 đã xây dựng, trồng trọt trên phần diện tích đất đo đạc thực tế 258,5m^2 trong phạm vi các mốc R1, R2, M3, M2, M1 trở về R1 thể hiện tại Phụ lục kèm theo trích đo số 163-2016 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T, thuộc một phần thửa 516, loại đất ONT, tờ bản đồ 02, tọa lạc ấp C, xã M, huyện T, Đồng Tháp, để giao trả cho ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn Ẩ, anh Huỳnh Bảo Â và bà Huỳnh Thị N.

(*Kèm theo Phụ lục kèm theo trích đo số 163-2016 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/12/2018*).

Ông Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn M, Huỳnh Văn Ẩ, Huỳnh Bảo Â và bà Huỳnh Thị N được quyền đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với phần diện tích đo đạc thực tế 258,5m^2 trong phạm vi các mốc R1, R2, M3, M2, M1 trở về R1 thể hiện tại Phụ lục kèm theo trích đo số 163-2016 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T, thuộc một phần thửa 516, loại đất ONT, tờ bản đồ 02, tọa lạc ấp C, xã M, huyện T, Đồng Tháp.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn Ẩ, anh Huỳnh Bảo Â và bà Huỳnh Thị N. Ông C, ông H, ông M, ông Ẩ, anh Â và bà N có trách nhiệm giao trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H1 gồm (bà Nguyễn Thị N1, anh Đặng Phước D, anh Đặng Long H2; chị Đặng Thị Thanh Đ, Đặng Thị Kim H3, Đặng Thị Kiều D1) chi phí san lấp ao số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Chi phí tố tụng sơ thẩm: Các nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí định giá tài sản (các nguyên đơn đã tạm ứng và đã chi xong).

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Do ông Đặng Văn H1 và bà Nguyễn Thị N1 là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đặng Phước D và chị Trần Thị Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.877.500 đồng (Ba triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng). Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn M, Huỳnh Văn Ẩ, Huỳnh Bảo Â và Huỳnh Thị N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 2.250.000 đồng (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai tạm ứng án phí số 0005377 ngày 01/6/2018 tại Chi cục thi hành án Huyện Tháp Mười.

3. Về án phí phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên bên kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Ti;
- Chi cục THADS H. T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Võ Trinh